

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

KCN Biên Hòa 1, Đường số 8, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Điện thoại: 0613. 834 670

Fax: 0613. 836 166

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BỘT GIẶT NET**



# MỤC LỤC

## Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

**1**

## Tình hình hoạt động

Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư thực hiện dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan xã hội của Công ty

**17**

## Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

**35**

## Báo cáo của HĐQT

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá của HĐQT về Ban Giám Đốc  
Các kế hoạch định hướng của HĐQT

**43**

## Quản trị Công ty

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BGD, BKS

**49**

## Báo cáo tài chính

**59**

# THÔNG TIN CHUNG





**Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro**

**1. Thông tin khái quát**

<b>Tên giao dịch</b>	<b>Công ty Cổ phần Bột giặt NET</b>
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	3600642822 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 06/10/2016.
<b>Vốn điều lệ</b>	223.984.490.000 VNĐ
<b>Vốn đầu tư chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016</b>	280.620.556.000 VNĐ
<b>Địa chỉ</b>	Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, Phường An Bình, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
<b>Số điện thoại</b>	0613836156 – 0613836159
<b>Số fax</b>	0613836166
<b>Website</b>	<a href="http://www.netcovn.com.vn">http://www.netcovn.com.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	NET



## 2. Quá trình hình thành và phát triển

### Lịch sử hình thành Công ty

Công ty cổ phần Bột giặt NET có tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty, được xây dựng từ năm 1968 cho đến năm 1972 mới hoàn thành đưa vào sản xuất. Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty có văn phòng chính tại số nhà 38 đường Nguyễn Trãi, phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và có cơ xưởng tại đường số 8, khu công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.



Vốn hình thành nhà máy do một nhóm cổ đông góp vốn tạo dựng lên. Công suất thiết kế ban đầu là 5.800 tấn sản phẩm/năm. Ngày đầu thành lập, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty đã cử một số thành viên trong công ty sang nước cộng hòa Pháp học cách làm xà bông bột. Sau khi trở về nước, những thành viên này lấy tên thương hiệu là NET. NET chính là tên viết tắt của chữ “NETOYER” nghĩa là giặt rửa, logo của công ty có hình là núi tuyết vì nhà máy được xây dựng trên khu đồi núi được san lấp nhưng chưa bằng phẳng, núi này được bao phủ bằng lớp tuyết trắng phản ánh sự trắng sạch của Bột giặt. Cho đến nay khi quảng bá về Bột giặt chưa có công ty nào bỏ qua hình ảnh trắng sạch này.

Kể từ ngày thành lập cho đến năm 1975, Công ty được quản lý dưới dạng tư sản tư nhân, sản lượng làm ra không quá 1.000 tấn sản phẩm/năm. Đến thời điểm 2009, công suất nhà máy tại KCN Biên Hòa đã được nâng lên 140,000 tấn/năm.



## Quá trình phát triển

**Năm 1975**

Khi Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và trưng mua, chuyển tên gọi từ Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty thành Nhà máy quốc doanh Bột giặt Đồng Nai hạch toán dưới dạng báo sổ trực thuộc công ty Bột giặt Miền Nam.

**Năm 1990**

Nhà máy chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập. Đây cũng là năm mà nhà máy thay đổi toàn bộ nhân sự mới.

**Năm 1992**

Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng và tiến hành đăng ký lại theo quyết định của Bộ công nghiệp nặng. Nhận lại Nhà máy Mỹ phẩm Bình Đông và chuyển chi nhánh NET từ số 39 Phó Cơ Điều, phường 12, quận 5, TP.Hồ chí Minh về số 617 – 629 Bến Bình Đông, phường 13, quận 8, TP.Hồ Chí Minh.

**Năm 2000**

Công ty khánh thành chi nhánh NET tại km 01 đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, thủ đô Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm. Tại thời điểm 2016, công suất đã được nâng lên 70,000 tấn/năm.

## Quá trình cổ phần hóa và niêm yết



## Thành tích Công ty đạt được

**2005**

Cờ thi đua  
Chính phủ

**2006**

Huân chương  
lao động hạng  
nhì

**2007,  
2008,  
2009**

Giấy chứng  
nhận Đơn vị có  
đời sống văn  
hóa tốt tỉnh  
Đồng Nai

**2008, 2009,  
2010, 2015**

Cờ thi đua  
của Bộ Công  
thương

**2008,  
2013**

Thương hiệu,  
nhãn hiệu uy  
tín của tạp chí  
Doanh nghiệp &  
đầu tư

**2008, 2009  
2011, 2014**

Thương hiệu  
Việt uy tín

**2008, 2009  
2012, 2016**

Cờ thi đua của  
Tập đoàn hóa  
chất Việt Nam

**2008  
Đến  
2017**

Hàng Việt Nam  
Chất lượng cao

**2016**

Top 100 sản phẩm  
tốt nhất cho gia  
đình và trẻ em

Top 50 thương hiệu  
uy tín ngành hóa  
chất Việt Nam

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất mua bán chất tẩy rửa mỹ phẩm và vật tư liên quan đến sản xuất mỹ phẩm. Mua bán các loại vật tư hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh). Cho thuê kho nhà xưởng văn phòng. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh khách sạn nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh) sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở). Bổ sung vận tải hàng hóa đường bộ.

**Địa bàn kinh doanh:** Trong nước và xuất khẩu.



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị tại NETCO



## Cơ cấu bộ máy quản lý

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty	Ghi chú
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/06/2016.
2	Phan Văn Tiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 29/01/2016, miễn nhiệm ngày 28/06/2016.
3	Phạm Quang Hòa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/01/2016.
4	Phạm Quang Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2016.
5	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	
6	Thái Thị Hồng Yến	Thành viên	
7	Lê Văn Bách	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2016.
8	Lương Thị Anh Đào	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2016.
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	Là Tr.BKS từ tháng 06/2016.
2	Dương Huy Mạnh	Thành viên	
3	Nguyễn Thị Mai	Thành viên	
<b>III</b>	<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>		
1	Thái Thị Hồng Yến	Giám Đốc Điều hành kiêm Giám đốc Thương mại	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ Giám đốc điều hành ngày 01/05/2016. Giám đốc điều hành (Chính thức bổ nhiệm ngày 01/02/2017).
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Nhân sự	
3	Phạm Quốc Cường	Giám đốc Sản xuất	
4	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Kỹ thuật	
5	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng	
6	Phạm Quang Hòa	Giám đốc Điều hành	Nghỉ hưu từ ngày 01/05/2016.

## 5. Định hướng phát triển

### Các mục tiêu chủ yếu của công ty

STT	Chỉ tiêu 2017	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	870
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80

### Chiến lược trung và dài hạn

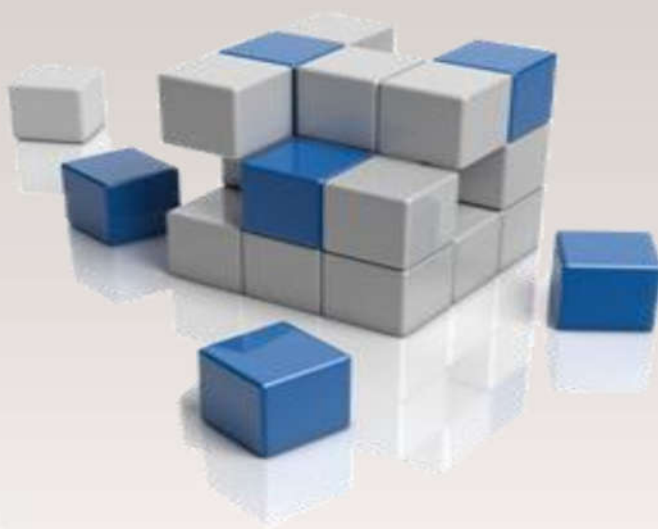
Năm 2016 là năm đầu tiên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2016 - 2021). Trong nhiệm kỳ này, thực hiện theo định hướng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã triển khai các hoạt động hướng tới:

- Bám sát theo điều kiện thực tế của NET, hợp lý hóa sản xuất để đạt mức chi phí thấp nhất.
- Phát triển dòng sản phẩm thuộc ngành hàng homecare. Kế hoạch triển khai được tiến hành theo thứ tự ưu tiên dựa trên cơ sở dữ liệu khảo sát nghiên cứu về nhu cầu của người tiêu dùng từ cao đến thấp.
- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu của NET, xây dựng hình ảnh sản phẩm với chất lượng tốt và giá cả hợp lý.
- Đa dạng hóa các đối tượng khách hàng để phục vụ, không giới hạn nội địa hay xuất khẩu, khách hàng tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của NET hay khách hàng có nhu cầu gia công nhãn riêng.
- Đưa NET trở thành nhà sản xuất lớn ngành hàng chất tẩy rửa/Homecare tại Việt Nam và trong khu vực ASEAN.

## 6. Các rủi ro

### Các rủi ro môi trường kinh tế, chính trị

Trong năm 2016 tình hình chính trị thế giới nhiều biến động với hai sự kiện lớn là Brexit và cuộc Bầu cử Tổng thống Mỹ. Hai sự kiện này đã và đang mang đến những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Các tổ chức tài chính, thương mại thế giới có những nhận định không quá khả quan khi liên tục hạ tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế Mỹ mặc dù có dấu hiệu phục hồi từ sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ nhưng vẫn thấp (tốc độ tăng trưởng cả năm đạt 1,6%). Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng đạt 6,7%, thấp nhất trong vòng hơn 26 năm qua ngay cả khi đã tiến hành nhiều biện pháp kích thích tăng trưởng tốn kém chi phí. Phục hồi tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tiếp tục đối mặt với những rủi ro bởi diễn biến khó lường của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường dầu thô, thị trường chứng khoán và giá cả các mặt hàng chiến lược diễn biến phức tạp; tình hình bất ổn chính trị, khủng bố, khủng hoảng người nhập cư, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng tại một số khu vực v.v...



Ở trong nước, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tốc độ tăng trưởng GDP là 6,21%, tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết và an ninh quốc phòng trên biển, thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công.



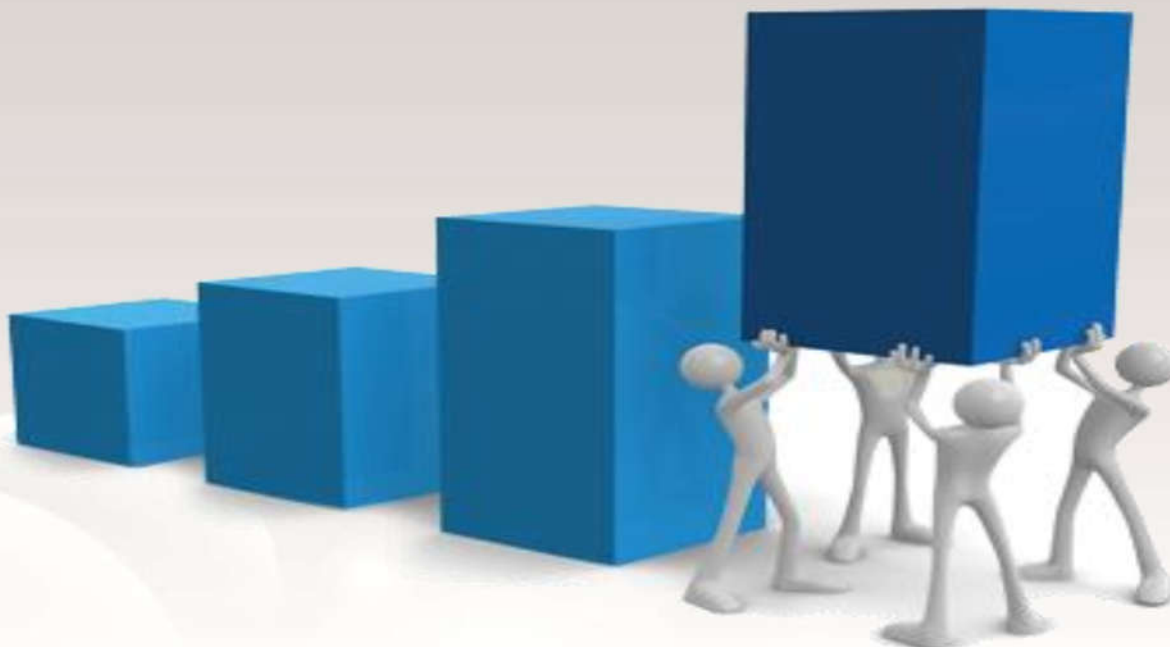


Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI. Trong khi đó, khu vực nông nghiệp, khai khoáng và rất nhiều lĩnh vực dịch vụ khác đang có dấu hiệu đi xuống, công cuộc cải cách, tái cấu trúc nền kinh tế vẫn còn dang dở. Mặt khác, Việt Nam đã và đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập sâu rộng nên khi kinh tế chính trị thế giới biến động sẽ tác động nhiều hơn đến kinh tế trong nước. Cụ thể, giá dầu thô thế giới tiếp tục diễn biến khó lường; nợ công có xu hướng tăng; nợ xấu cho dù đã giảm nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để; Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) nâng lãi suất trong năm 2016 làm cho tỷ giá những tháng cuối năm tăng mạnh. Cán cân thương mại có xu hướng tăng trở lại và thâm hụt ngân sách kéo dài có thể tạo rủi ro cho công tác điều hành tỷ giá v.v... sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động doanh nghiệp nói chung và hoạt động của Công ty nói riêng. Nhằm hạn chế tác động của nền kinh tế, Công ty luôn quan tâm theo dõi và đề ra những chiến lược kinh doanh một cách thận trọng và linh hoạt đi kèm theo những phương án dự phòng nhằm đáp ứng với sự thay đổi của nền kinh tế.

## Rủi ro đặc thù

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, hoạt động xuất khẩu chiếm hơn 24% nên hoạt động kinh doanh của Công ty chịu rủi ro từ biến động tỷ giá, thị trường xuất khẩu và đối tác xuất khẩu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật tình hình tỷ giá để đưa ra những công cụ và chính sách phòng ngừa biến động xảy ra. Ngoài ra, Công ty cũng chủ động tìm kiếm thêm thị trường tiềm năng và đối tác chiến lược khác để tránh phụ thuộc vào một thị trường và một đối tác. Việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và đối tác không chỉ hạn chế rủi ro mà còn mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Bên cạnh đó, Nhà máy hiện tại của Công ty ở KCN Biên Hòa hiện đã cũ và mặt bằng chật chội nên để đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả, hàng hóa đầu vào và đầu ra được thông suốt còn gặp nhiều khó khăn. Để kiểm soát được rủi ro này, Công ty tiếp tục duy trì các chính sách về an toàn đồng thời phát huy tinh thần trách nhiệm, lao động sáng tạo trong tập thể cán bộ công nhân viên nhằm tối đa hóa lợi ích Công ty đạt được.



**Rủi ro về luật pháp**

Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh sẽ tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số văn bản pháp luật hiện nay vẫn đang được điều chỉnh để theo kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế do vậy việc áp dụng còn gặp nhiều khó khăn. Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội nên hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, công bố thông tin, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi về chính sách pháp luật để kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh và mang lại kết quả kinh doanh tốt.





### **Rủi ro về cạnh tranh và khách hàng**

Xu hướng mở cửa hội nhập của Việt Nam trong những năm qua vừa tạo thuận lợi vừa đặt ra khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Các doanh nghiệp nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia có thế mạnh về vốn, công nghệ và trình độ quản lý tạo áp lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, xu hướng (M&A) mua bán, sáp nhập, chuyển nhượng giữa các doanh nghiệp nước ngoài và trong nước ngày càng nhiều khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc giữ thị trường và thương hiệu. Để hạn chế rủi ro này, NETCO luôn thực hiện cải tiến công nghệ, đào tạo nâng cao tay nghề của người lao động trực tiếp sản xuất, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng lực quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG





**Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức và nhân sự**

**Tình hình đầu tư thực hiện dự án**

**Tình hình tài chính**

**Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**

**Báo cáo tác động liên quan xã hội của Công ty**

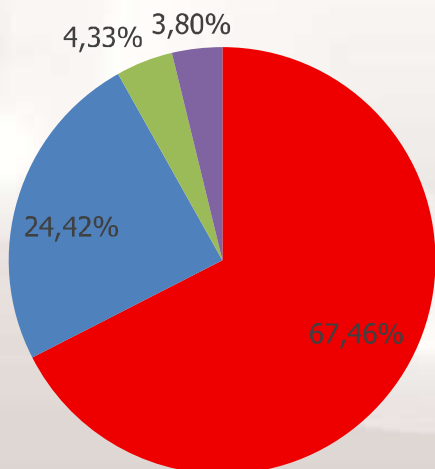
### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 là năm đầy biến động của kinh tế thế giới. Tăng trưởng kinh tế và thương mại thấp hơn so với dự báo; giá nhiều hàng hóa cơ bản ở mức thấp v.v... . Ở trong nước, nền kinh tế đang trên xu thế phục hồi với tốc độ phát triển GDP tăng dần qua các quý, lạm phát trong mức mục tiêu, lãi suất và tỷ giá khá ổn định. Nhờ vào sự ổn định của các nhân tố vĩ mô đã giúp tạo lập môi trường kinh doanh tốt cho các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Theo đó, hầu hết các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh của Công ty đều vượt kế hoạch. Cụ thể, Tổng doanh thu đạt 843.989 triệu đồng, đạt 100,5% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 103.837 triệu đồng, đạt 129,8% so với kế hoạch.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So với KH 2016	So với TH 2015
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	135.000	135.000	150.700	111,6%	111,6%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	135.000	135.000	151.100	111,9%	111,9%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	791.277	840.000	843.989	100,5%	106,7%
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	688.228	760.000	740.151	97,4%	107,5%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	103.049	80.000	103.837	129,8%	100,8%
6	Đầu tư	Triệu đồng	110.743	256.300	242.786	94,7%	219,2%
7	Tỷ lệ cổ tức	%	70%	Không dưới 12%	28% *		

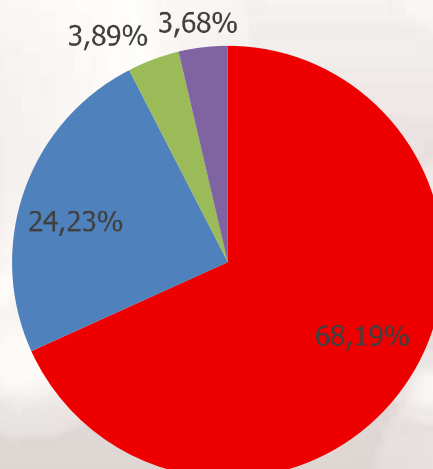
Ghi chú: (\*: đã ứng 15%)

**Năm 2015**



■ Từ bán hàng nội địa    ■ Từ xuất khẩu  
■ Từ gia công            ■ Từ nguồn khác

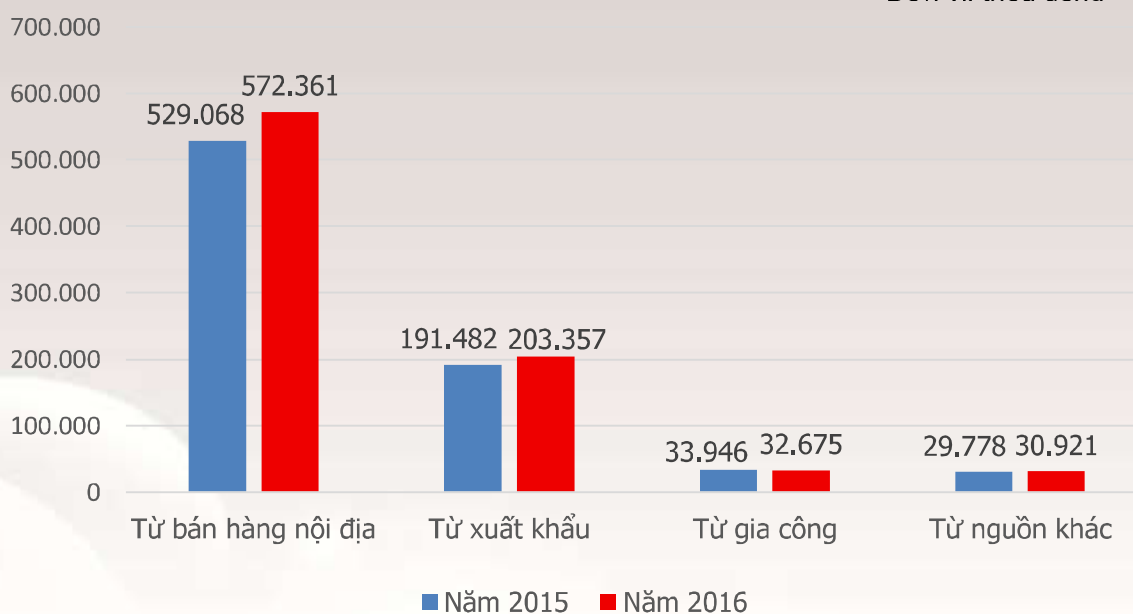
**Năm 2016**



■ Từ bán hàng nội địa    ■ Từ xuất khẩu  
■ Từ gia công            ■ Từ nguồn khác

**Kết quả doanh thu**

Đơn vị: triệu đồng





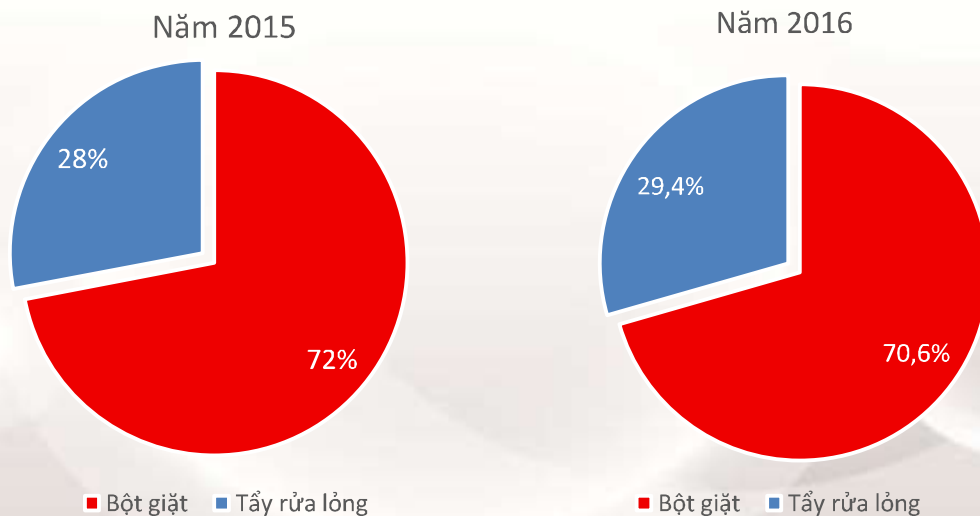
Doanh thu từ hoạt động bán hàng nội địa năm 2016 đạt 572.361 triệu đồng, tăng 43.293 triệu đồng, tương ứng tăng 8,18% so với năm 2015. Những sản phẩm chủ lực của Công ty đóng góp chính vào doanh thu gồm: bột giặt, nước rửa chén, nước lau sàn nhà và nước xả vải. Tuy nhiên, thị trường bán hàng nội địa của những sản phẩm này những năm gần đây khá khó khăn khi nhiều nhãn hàng trong và ngoài nước thực hiện chính sách cạnh tranh về giá cũng như chất lượng sản phẩm. Để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty đã nỗ lực cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất và chất lượng đồng thời cũng đưa ra những chính sách bán hàng linh hoạt.



Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu giảm nhẹ về tỷ trọng nhưng tăng lên về giá trị. Cụ thể, tỷ trọng doanh thu giảm nhẹ từ 24,42% xuống 24,23% và giá trị đạt 203.357 triệu đồng, tăng 11.875 triệu đồng, tương ứng tăng 6,2% so với năm 2015. Thị trường xuất khẩu của Công ty gồm: Nhật Bản, Philipines, Úc, Cuba, Đài Loan, Campuchia, một số nước trong khu vực Đông Nam Á và Châu Mỹ Latinh khác. Đối với từng thị trường, Công ty sẽ phát triển những dòng sản phẩm phù hợp theo khí hậu, môi trường và đặc điểm của từng quốc gia nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Hoạt động gia công và các hoạt động khác giảm nhẹ cả về tỷ trọng lẫn giá trị doanh thu.

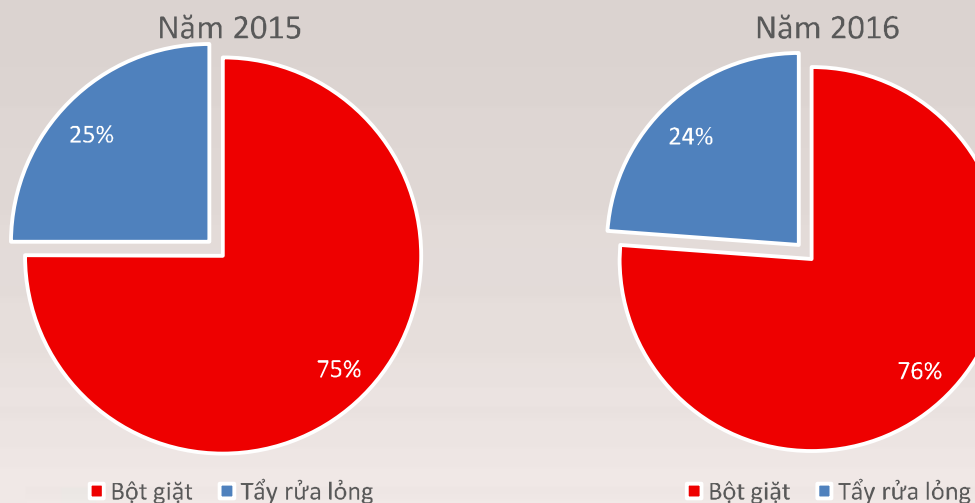
Biên lợi nhuận trước thuế năm 2016 của Công ty đạt 12,4%, đây là tỷ lệ khá tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành.

## Cơ cấu doanh thu



Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2016 không biến động nhiều so với năm 2015. Chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là doanh thu từ sản phẩm Bột giặt. Cụ thể, doanh thu từ bột giặt đạt 570.364 triệu đồng, tăng 5% so với năm 2015, đóng góp 70,6% vào cơ cấu doanh thu. Sản phẩm Tẩy rửa lồng đạt 238.028 triệu đồng, tăng 13%, chiếm 29,4% trong tổng doanh thu.

## Cơ cấu lợi nhuận gộp



Tương tự như doanh thu, trong cơ cấu lợi nhuận gộp chiếm tỷ trọng lớn vẫn là nhóm sản phẩm bột giặt. Lợi nhuận gộp từ sản phẩm bột giặt đạt 172.340 triệu đồng, tăng 23,7% so với năm 2015, chiếm 76% trong cơ cấu. Lợi nhuận gộp từ sản phẩm chất tẩy rửa đạt 53.899 triệu đồng, tăng 16,2%, chiếm 24% trong cơ cấu. Tốc độ tăng doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm bột giặt cao hơn sản phẩm chất tẩy rửa một phần do việc tiếp cận thị trường nước giặt, nước tẩy toilet, nước lau sàn và nước xả vải (4 dòng sản phẩm chủ lực của nhóm hàng chất tẩy rửa) còn hạn chế.

**2. Tổ chức và nhân sự****Danh sách Ban Điều Hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Thái Thị Hồng Yến	Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Thương mại	Người thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Điều hành kể từ ngày 01/05/2016. Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/02/2017).	0,505%
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Nhân sự		0%
3	Phạm Quốc Cường	Giám đốc Sản xuất		0%
4	Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Kỹ thuật		0,008%
5	Trần Thị Ái Liên	Kế toán trưởng		0,1110%

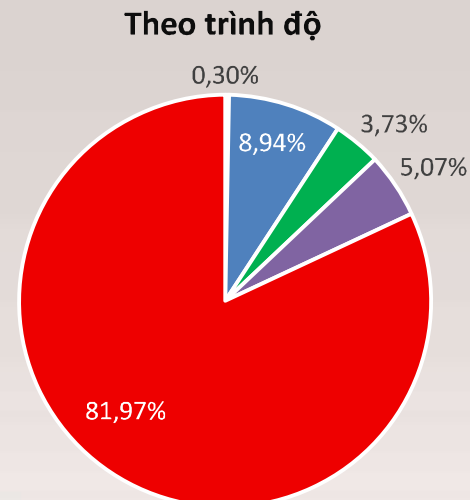
**Những thay đổi trong ban điều hành**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Quang Hòa	Giám Đốc Điều hành	Nghỉ hưu từ ngày 01/05/2016.
2	Thái Thị Hồng Yến	Giám Đốc Điều hành	HĐQT chính thức bổ nhiệm Giám Đốc Điều hành từ ngày 01/02/2017.
3	Thái Thị Hồng Yến	Người THNV GD Điều hành	Người thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Điều hành kể từ ngày 01/05/2016.

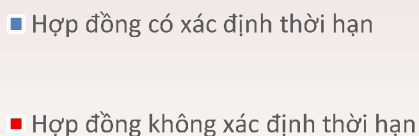
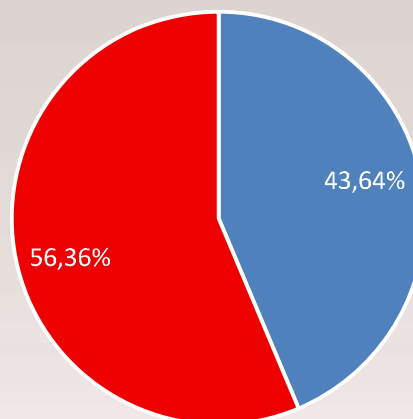
## Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>		
1	Trên Đại học	2	0,30%
2	Đại học	60	8,94%
3	Cao đẳng	25	3,73%
4	Trung cấp và CN nghề	34	5,07%
5	Khác	550	81,97%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>		
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	309	43,64%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	399	56,36%

## Biểu đồ cơ cấu lao động



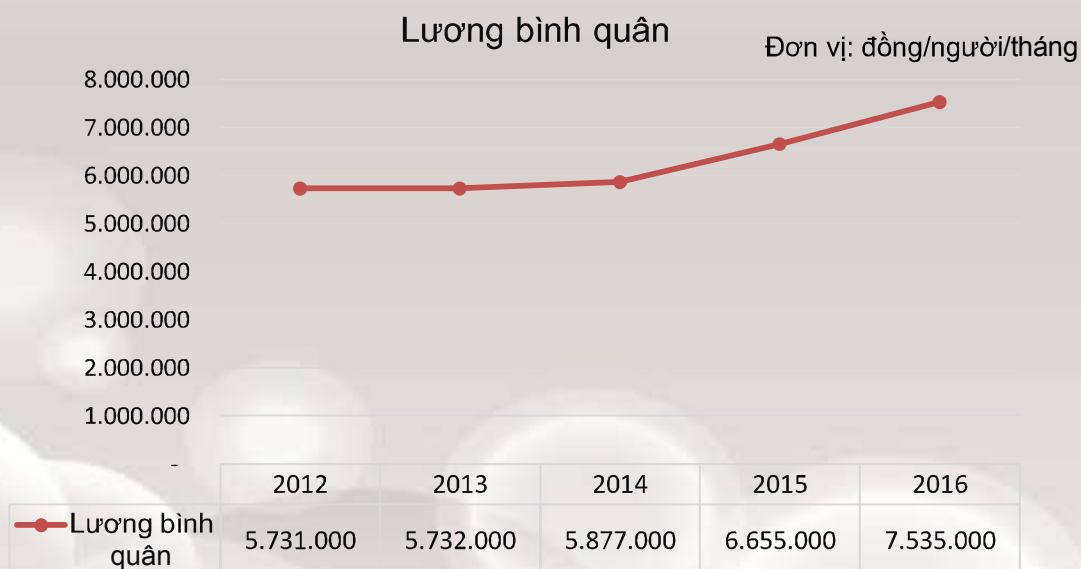
**Theo tính chất hợp đồng lao động**



### Chính sách người lao động

**Chính sách lương, thưởng:** Công ty tiếp tục thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, để thúc đẩy tinh thần làm việc, phát huy khả năng sáng tạo và sự nỗ lực của nhân viên Công ty xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên các tiêu chí: năng lực, hiệu quả công việc, mức độ đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

**Chính sách phúc lợi:** NETCO cam kết tạo nên những điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh cho tất cả các nhân viên. Công ty tạo điều kiện cho người lao động khám sức khỏe 02 lần trong năm, đo chức năng hô hấp 01 lần trong năm. Thực hiện đầy đủ các chế độ như BHXH, BHYT, an ca, an toàn lao động, tiền lễ, tết, tháng lương thứ 13, nghỉ mát năm.



### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **Dự án đầu tư nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Lộc An-Bình Sơn**

Dự án đầu tư nhà máy sản xuất theo Quyết định phê duyệt dự án số 12A/2014/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2014. Theo giấy phép đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27/10/2016, tổng vốn đầu tư của dự án là 375.537.051.487 đồng, thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày 29/03/2013. Nhà máy được xây dựng bắt đầu từ năm 2015 và dự kiến quý II/2017 sẽ đi vào hoạt động sản xuất.

#### **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ số tiền là 716.390.400 đồng. Công ty nắm giữ số lượng 6.600 cổ phiếu, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Theo các thông tin Công ty đã thu thập được thì Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị này bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục đóng mã số thuế; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã quyết định trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng (tại thời điểm 31/12/2015 là 716.390.400 đồng).



- Tháng 04/2015, công ty triển khai khởi công xây dựng nhà máy mới tại Lộc An - Bình Sơn với công suất thiết kế 100.000 tấn bột giặt/năm và 60.000 tấn tẩy rửa lồng/năm. Nhà máy này được xây dựng với định hướng thiết kế về cấu trúc cơ sở hạ tầng và công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Việt nam và các nước trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương đến 2035. Tổng số vốn đầu tư theo dự toán là **375.537.051.487 đồng** (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi một ngàn, bốn trăm tám mươi bảy đồng - bao gồm VAT).
- Tính đến ngày 01/3/2017, số tiền giải ngân cho công trình này là **275.153.558.464 đồng** (Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, một trăm năm mươi ba triệu, năm trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng), chiếm tỷ lệ 73,27 % tổng dự toán. Theo báo cáo của Ban dự án, công trình này đang được thực hiện với nguyên tắc tiết kiệm, giảm tối đa chi phí đầu tư. Hạng mục nào phát sinh thực sự cần thiết thì mới thực hiện, phần đầu tổng mức đầu tư **không vượt quá 315 tỷ đồng Việt Nam**. Dự án đã bước vào giai đoạn cuối. Việc thử nghiệm sản phẩm bột giặt đang được tiến hành trong tháng 03/2017. Dự kiến nhà máy đưa vào sản xuất vào tháng 06/2017.

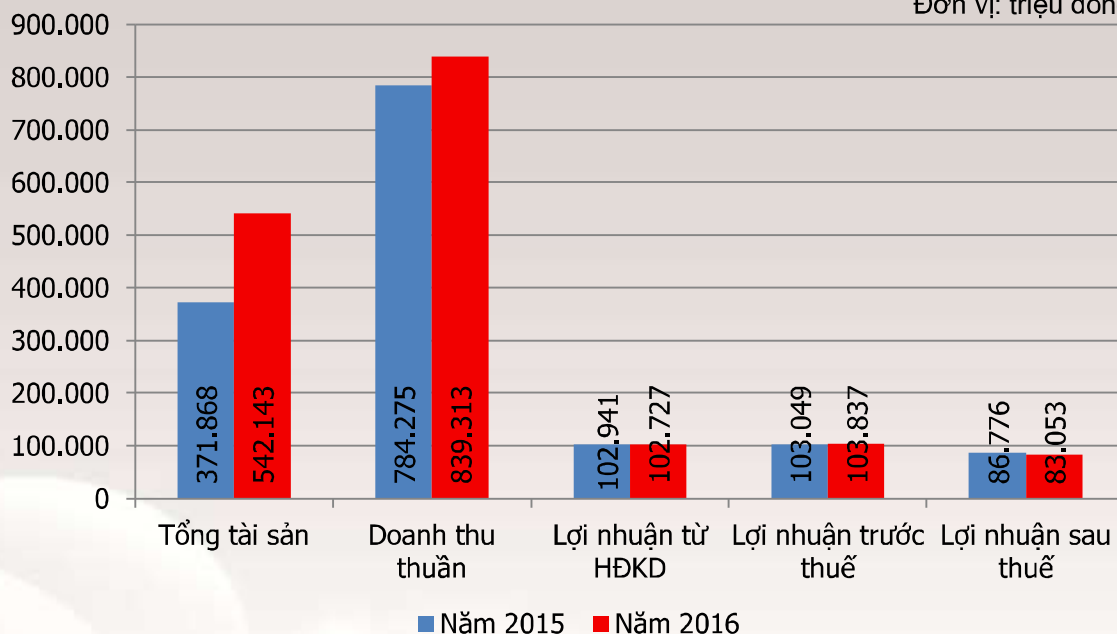
## 4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	Tăng/giảm so với 2015
Tổng tài sản	Triệu đồng	371.868	542.143	45,79%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	784.275	839.313	7,02%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	102.941	102.727	-0,21%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	109	1.111	919,27%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	103.049	103.837	0,76%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	86.776	83.053	-4,29%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cp	3.620	3.659	1,08%
Tỷ lệ cổ tức	%	70%	28%*	

Ghi chú: (\*: đã ứng 15%)

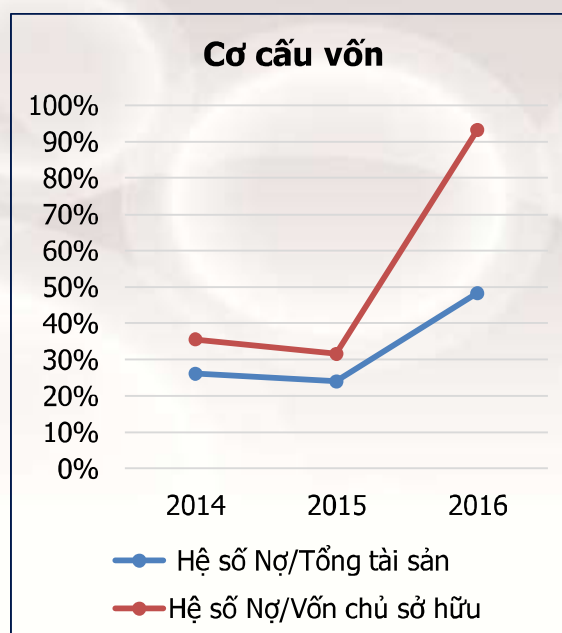
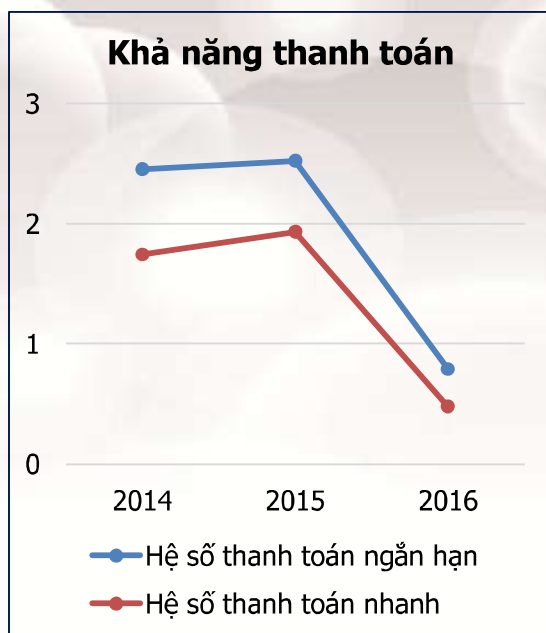
### Các chỉ tiêu năm 2016 so với năm 2015

Đơn vị: triệu đồng





Chỉ tiêu	Đvt	2015	2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,52	0,79
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,93	0,48
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,04%	48,24%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	31,65%	93,19%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	10,60	9,11
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,11	1,55
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,06%	9,90%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	30,72%	29,60%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	23,34%	15,32%
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/ Doanh thu thuần	%	13,13%	12,24%



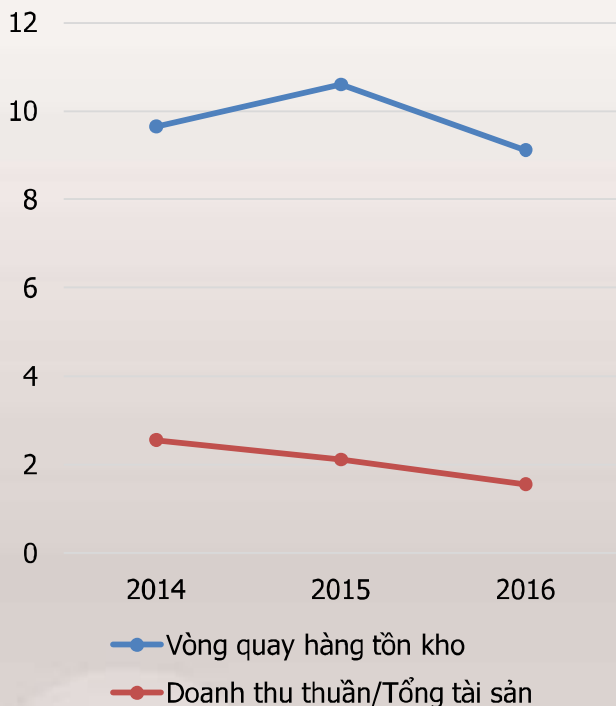
Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2016 lần lượt đạt 0,79 lần và 0,48 lần; giảm mạnh so với năm 2015. Các hệ số này giảm do Tài sản ngắn hạn giảm 8,75% trong khi Nợ ngắn hạn tăng đến 192,5%.

Cụ thể, Tài sản ngắn hạn giảm do trong năm 2016 Công ty đã rút khoản tiền gửi có kỳ hạn 97,6 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn tăng do: giá trị các khoản phải trả cho người bán gồm CN CTCP TICO, công ty TNHH Nhựa cơ khí và thương mại Chấn Thuận Thành, công ty TNHH UIC Việt Nam lần lượt tăng 40,9%; 139,8%; 61%, chi phí phải trả tăng 119,6%, và trong năm Công ty vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam khoản vay 113.787 triệu đồng.

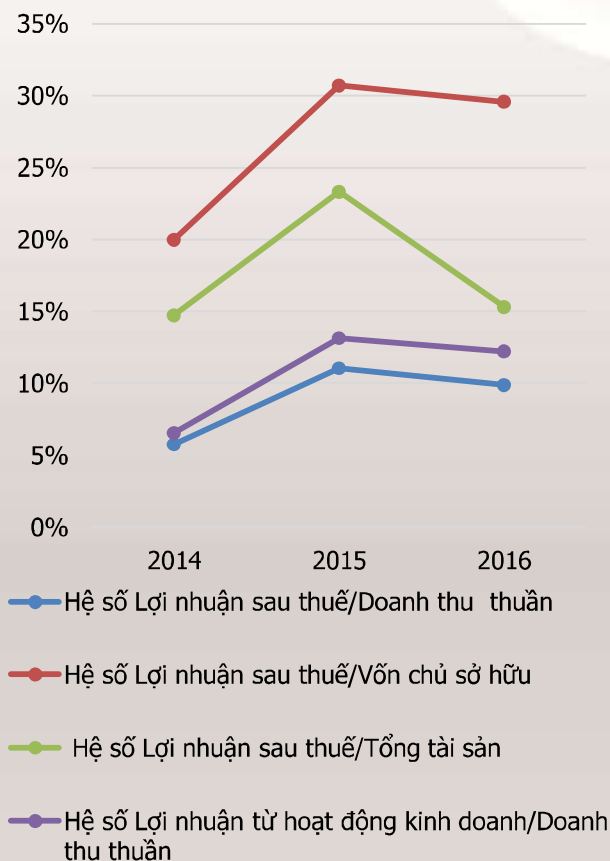
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản đạt 48,24%, tăng 24,2% so với năm 2015 do Nợ tăng 192,5% trong khi Tổng tài sản chỉ tăng 45,8%. Nợ tăng chủ yếu là Nợ ngắn hạn tăng. Tổng tài sản tăng do Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án nhà máy mới Long Thành tăng 585,4%.

Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu đạt 93,19%, tăng mạnh 61,54% so với năm 2015. Hệ số này tăng do Nợ phải trả tăng mạnh nhưng Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ 0,65%.

**Năng lực hoạt động**



**Khả năng sinh lời**



Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 đạt 9,11 lần, giảm nhẹ 1,49 lần so với năm 2015. Hệ số giảm do Giá vốn hàng bán tăng 3,5% trong khi Hàng tồn kho tăng 54,2%. Hệ số này ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, chỉ số này phản ánh chưa được chính xác hoàn toàn tình hình thực tế do việc thay đổi phương thức ghi nhận giá vốn và chi phí tại thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu, Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản, LN HĐKD/Doanh thu thuần năm 2016 lần lượt đạt 9,9%; 29,6%; 15,32% và 12,24%, giảm nhẹ so năm 2015. Mặc dù nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty giảm so với năm 2015 nhưng tương đối tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành.

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Cổ phần

STT	Cổ phần	Số lượng
1	Tổng số cổ phần đã phát hành	22.398.374 cổ phần
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	22.398.374 cổ phần
3	Loại cổ phần	Cổ phần thường
4	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	22.398.374 cổ phần
5	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần (cp)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	11.423.498	51,00%
<b>II</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	5.589.805	24,96%
1	Cổ đông cá nhân	5.525.609	24,67%
2	Cổ đông tổ chức	64.196	0,29%
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	5.385.071	24,04%
1	Cổ đông tổ chức	54.245	0,24%
2	Cổ đông cá nhân	5.330.826	23,80%
Tổng cộng		22.398.374	100,00%

### 5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

*Trong năm 2016, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:*

- Số lượng CP trước phát hành : 15.998.892 cổ phần
- Số lượng CP phát hành : 6.399.482 cổ phần
- Số lượng CP đang lưu hành : 22.398.374 cổ phần
- ngày đăng ký cuối cùng : 14/09/2016
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 40%

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có

- Tỷ lệ thực hiện quyền : 40%
- ngày đăng ký cuối cùng : 14/09/2016
- số lượng CP đang lưu hành : 22.398.374 cổ phần
- số lượng CP quỹ : 0

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Định hướng phát triển của công ty luôn lấy chữ “Nhân” làm gốc, đặt con người ở vị trí trung tâm của hoạt động kinh doanh. Công thức các sản phẩm mà NET đã và đang đưa ra thị trường đều được nghiên cứu dựa trên cơ sở an toàn cho người sử dụng và môi trường, không chạy theo lợi nhuận bằng cách sử dụng nguồn nguyên liệu giá rẻ.
- Ý thức được trách nhiệm với cộng đồng, Công ty đã thực hiện các chương trình xã hội và từ thiện như: nuôi dưỡng suốt đời một bà mẹ Việt Nam anh hùng cư ngụ tại Long Thành – Đồng Nai và một thương binh cư ngụ tại quận 8 – TP.HCM, chương trình Áo trắng tới trường tại một số các trường tiểu học thuộc đồng bằng sông Cửu Long và Miền Trung.



### Chính sách liên quan đến người lao động



Xác định việc đào tạo là nguồn lực đầu tư và phát triển lâu dài, Công ty rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách đào tạo cho CBCNV. Cử CBCNV, người lao động đi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ ở bên ngoài theo yêu cầu công việc. Phổ biến chính sách an toàn chung, huấn luyện vận hành các thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn; huấn luyện PCCC, huấn luyện nghề thực tế tại Công ty, vi sinh, vận hành máy v.v...

**Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là: 41.100 tấn.
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức là: 100%

**Tuân thủ****bảo vệ**

- Trong năm Công ty quy định pháp luật

## pháp luật về

## môi trường

đã tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

## Tiêu thụ năng lượng



- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
  - Điện: 2.551.609 kWh
  - Khí CNG: 2.025.673 Sm<sup>3</sup>
  - Dầu DO: 94.000 lít
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: chưa có sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong 2016. Trong 2017, sẽ tập trung vấn đề này.

## Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: sử dụng nguồn nước thủy cục do CTCP Cấp nước Đồng Nai cấp, số lượng: 45.988 m<sup>3</sup>/năm 2016.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: tái chế và tái sử dụng 100% lượng nước thải sản xuất, khoảng 4.800 m<sup>3</sup>/năm.



# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC





**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

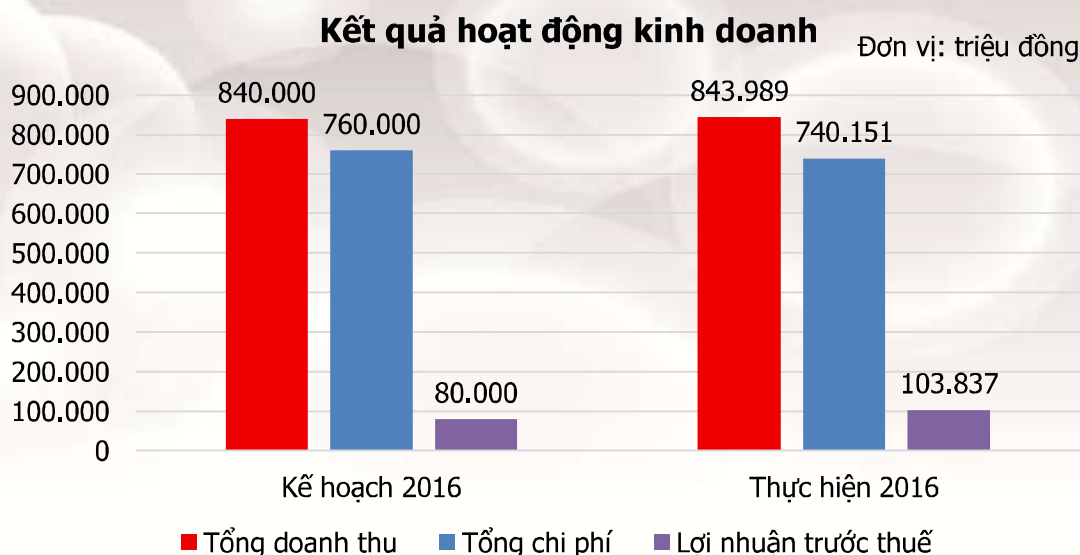
**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

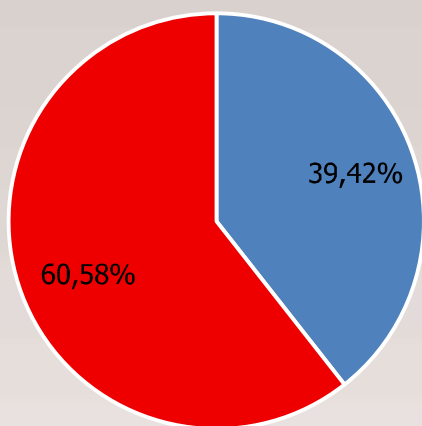
Năm 2016 là một năm thành công đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của NETCO. Mặc dù có giá nguyên liệu đầu vào tăng từ quý 3/2016 nhưng các chỉ tiêu quan trọng như Tổng doanh thu và Lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, Tổng doanh thu đạt 843.989 triệu đồng, đạt 100,5% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 103,837 triệu đồng, đạt 129,8% so với kế hoạch, góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp và quyền lợi của các cổ đông. Sản lượng sản xuất đạt 150.700 tấn, đạt 111,6%.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So với KH 2016
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	135.000	150.700	111,6%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	135.000	151.100	111,9%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	840.000	843.989	100,5%
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	760.000	740.151	97,4%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	80.000	103.837	129,8%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	12%	28%*	

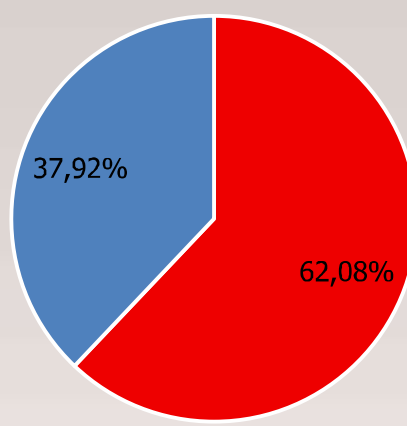
Ghi chú: (\*: Đã ứng 15%)



Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản dài hạn	146.584	39,42%	336.579	62,08%
Tài sản ngắn hạn	225.284	60,58%	205.564	37,92%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>371.868</b>	<b>100,00%</b>	<b>542.143</b>	<b>100,00%</b>
Nợ ngắn hạn	89.405	24,04%	261.523	48,24%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	282.462	75,96%	280.621	51,76%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>371.868</b>	<b>100,00%</b>	<b>542.143</b>	<b>100,00%</b>

**Năm 2015**


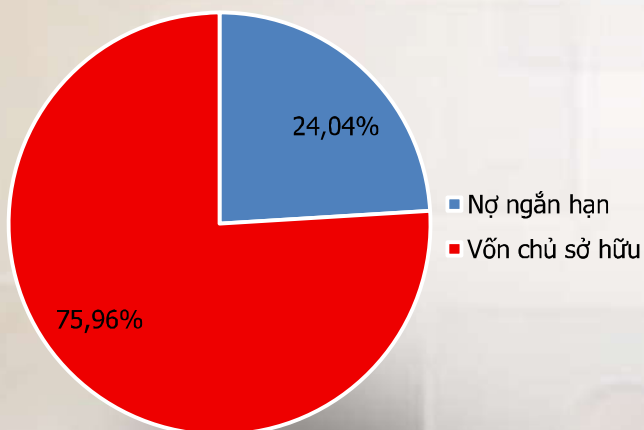
■ Tài sản dài hạn ■ Tài sản ngắn hạn

**Năm 2016**


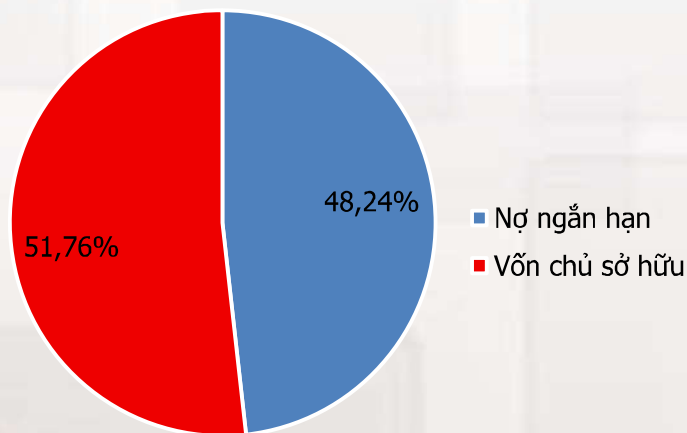
■ Tài sản dài hạn ■ Tài sản ngắn hạn

Cơ cấu tài sản Công ty năm 2016 có sự biến động lớn so với năm 2015. Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn đạt 37,92%, giảm 22,66% so với năm 2015. Tỷ trọng Tài sản dài hạn đạt 62,08%, tăng 22,66% so với năm 2015. Tài sản ngắn hạn giảm do trong năm Công ty đã rút khoản tiền gửi có kỳ hạn 97,6 tỷ đồng. Tỷ trọng Tài sản dài hạn tăng do tăng Chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Cụ thể, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng tỷ trọng từ 24,08% lên 69,9%.

**Năm 2015**



**Năm 2016**



Tỷ trọng của các chỉ tiêu trong cơ cấu vốn trong năm 2016 có sự thay đổi lớn. Công ty không có Nợ dài hạn nên Nợ phải trả tăng chủ yếu là do Nợ ngắn hạn tăng. Cụ thể, Nợ ngắn hạn đạt 261.523 triệu đồng, tăng 172.118 triệu đồng tương ứng tăng 24,2% về tỷ trọng so với năm 2015. Trong cơ cấu Nợ ngắn hạn, khoản Phải trả người bán ngắn hạn chiếm 51,04% chứng tỏ Công ty đã tạo dựng được uy tín tốt với nhà cung cấp.

Vốn chủ sở hữu đạt tỷ trọng 51,76%, giảm 24,2% so với năm 2015. Vốn chủ sở hữu giảm do tỷ trọng Lợi nhuận sau thuế giảm 12,82% và Quỹ đầu tư phát triển giảm 10,34%.

## 2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Mô hình Giám đốc điều hành và các Giám đốc chức năng được giữ nguyên, không thay đổi từ đầu nhiệm kỳ.
- Chính sách nguồn nhân lực, chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/ phạt v.v...được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn. Sau quá trình thực hiện, Công ty có hoạt động đánh giá lại xem chính sách còn điểm nào chưa phù hợp để tiến hành điều chỉnh kịp thời.
- Công ty tiếp tục áp dụng mô hình quản lý phân cấp. Tại từng phân xưởng, phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo.

**3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán** Không có**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Hoàn thành dự án và đưa vào hoạt động nhà máy Lộc An.
- Thực hiện chính sách đào tạo, huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV và xây dựng chính sách trọng nhân tài.
- Phát huy tất cả các nguồn lực để kinh doanh hiệu quả và ổn định.
- NET chọn con đường không đối đầu với các công ty đa quốc gia mà trở thành nhà sản xuất lớn, sản xuất thương hiệu của riêng mình và gia công cho tất cả các đối tác trong hay ngoài nước có nhu cầu.

STT	Chỉ tiêu 2017	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	870
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80

Theo tình hình thực tế năm 2017, Công ty đã đề ra chính sách kinh doanh thận trọng với Lợi nhuận trước thuế kế hoạch bằng 77,04% so với thực hiện 2016. Có hai nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch này. Thứ nhất, nguyên nhân khách quan bao gồm ảnh hưởng của giá nguyên liệu đầu vào và tỷ giá VND/USD tăng. Từ Quý 3/2016 các nguyên liệu có nguồn gốc dầu mỏ, dầu cọ và nguyên liệu thô từ Trung Quốc có xu hướng tăng so với giai đoạn trước. Dự báo giá nguyên liệu đặc biệt tăng mạnh từ quý 2/2017. Mức biến động giá này là không thể lường trước do chịu ảnh hưởng bởi cả yếu tố chính trị trên toàn cầu.

Thứ hai là nguyên nhân chủ quan. Việc xây dựng nhà máy mới Lộc An Bình Sơn với chi phí đầu tư trên 300 tỷ đồng Việt nam sẽ ảnh hưởng chi phí khấu hao, phát sinh chi phí vốn vay,... làm tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến lợi nhuận.



## 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Công ty ngày càng ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và địa phương. Điều này thể hiện rõ nét qua hoạt động tài trợ trong nhiều năm cho chương trình “Vượt lên chính mình”, chương trình phát học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học, chính sách đối với người có công với cách mạng và tạo điều kiện cho các em sinh viên trẻ được thực tập.
- Sản phẩm mà Công ty sản xuất là chất tẩy rửa nên công tác sản xuất của NETCO cần phải được bảo đảm an toàn, đúng chuẩn để không gây hại đến môi trường. Cụ thể: từ năm 2015, Công ty đã chuyển đổi nguyên liệu đốt từ dầu FO sang dùng khí CNG, giúp tiết kiệm nhiên liệu (khoảng 10%) giúp giảm ô nhiễm môi trường do gas sạch hơn, duy trì hệ thống tái chế nước thải để tái sử dụng nhằm tiết kiệm và hạn chế thải ra môi trường.
- Tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực mạnh có chất lượng với năng lực và tinh thần cống hiến vì sự phát triển bền vững của Công ty.





# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





**Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

**Đánh giá của HĐQT về Ban giám đốc**

**Các kế hoạch định hướng của HĐQT**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty***Đơn vị: triệu đồng*

Kết quả hoạt động SXKD	2015	2016	Tăng/giảm	% Tăng/giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	784.275	839.313	55.038	7,02%
Giá vốn hàng bán	589.491	609.992	20.501	3,48%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	194.784	229.320	34.536	17,73%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	102.941	102.727	-214	-0,21%
Lợi nhuận khác	109	1.111	1.002	919,27%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.049	103.837	788	0,76%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	86.776	83.053	-3.723	-4,29%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	3.620	3.659	39	1,08%

Trong năm 2016 mặc dù đã có sự chuyển giao thế hệ lãnh đạo tuy nhiên Công ty vẫn tiếp tục có sự ổn định và phát triển. Thể hiện rõ nhất là thông qua việc duy trì ổn định về chất lượng, tăng doanh thu, tăng khối lượng hàng hóa tiêu thụ, hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn đảm bảo... trong bối cảnh cạnh tranh trong nước và thế giới ngày càng gay gắt.

Lãi trên một cổ phiếu NET tương đối cao, điều này sẽ có tác động tích cực lên giá cổ phiếu NET trên thị trường.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm 2016, Ban Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể là:

- Ban điều hành đã thực hiện tốt những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Năm 2016, Ban điều hành công ty đã hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại Hội đồng Cổ đông, HĐQT giao phó.
- Ban Giám đốc có những kế hoạch và quyết định được ban hành sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt. Cụ thể, doanh thu từ mảng bán hàng nội địa đạt 572.361 triệu đồng, tăng 8,2%; doanh thu từ xuất khẩu đạt 203.357 triệu đồng, tăng 6,2%.
- Trong công tác quản lý tài chính luôn minh bạch, chủ động đưa ra những ý kiến đề xuất, thực hành tốt công tác tiết kiệm chống lãng phí; cùng toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực làm việc, hợp tác nhiệt tình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng đều các năm; đặc biệt là sự gia tăng về giá trị vốn góp của các cổ đông từ 159,9 tỷ VND lên 223,9 tỷ VND từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển mang lại lợi ích gia tăng của các cổ đông và gia tăng tài sản của doanh nghiệp.
- Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Chi trả lương đúng hạn và đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.



**3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**

Phát huy năng lực và giá trị cốt lõi của mình, quyết tâm đẩy mạnh triển khai chiến lược phát triển mọi mặt về sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017. Với các chỉ tiêu chủ yếu về sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động, v.v..., nhằm từng bước nâng tầm vị thế, hình ảnh và thương hiệu NETCO trong nội bộ, ngành, cộng đồng, các nước trong khu vực và từng bước trên thế giới thông qua các chương trình hữu hiệu, đưa NETCO trở thành đơn vị tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Căn cứ vào tình hình nội tại của Công ty cùng những dự báo về thị trường, Hội đồng quản trị đã đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	Tỷ lệ KH 2017/TH 2016 %
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	843,989	870	103%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,837	80	77%

**Chỉ đạo Ban Điều hành:**

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty các nội dung Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Tiếp tục sửa đổi ban hành quy chế, quy định quản lý... cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Quyết liệt trong công tác chỉ đạo để đưa Nhà máy Lộc An – Bình Sơn vào vận hành thương mại trong quý II/2017, sớm phát huy hiệu quả đầu tư. Trụ sở chính Công ty sẽ di dời về vị trí mới này.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cùng khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường kiểm soát các chi phí, thực hành tiết kiệm... nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Khai thác tối đa các nguồn lực hiện có để đạt hiệu quả kinh doanh cao.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY





**Hội đồng quản trị**

**Ban kiểm soát**

**Các giao dịch, thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BGD, BKS**



## 1. Hội đồng quản trị

### Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cá nhân cuối kỳ	Số cổ phiếu sở hữu đại diện cuối kỳ	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Phạm Thanh Tùng	CT HĐQT		4.703.659	4.703.659	21% (đại diện)
2	Phan Văn Tiền	TV HĐQT		3.359.756	3.359.756	15% (đại diện)
3	Phạm Quang Hòa	TV HĐQT				0%
4	Nguyễn Mạnh Hùng	UV HĐQT-GĐNS				0%
5	Thái Thị Hồng Yến	UV HĐQT-GĐTM	113.112		113.112	0,505%



## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong 2016, Hội đồng Quản trị Công ty có tất cả 8 cuộc họp với sự tham gia góp ý kiến của 100% TV HĐQT và ban hành các nghị quyết, quyết định, cụ thể:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự
1	Phạm Thanh Tùng	CT HĐQT	CT HĐQT từ 28/06/2016	5/5
2	Phan Văn Tiền	CT HĐQT/TV HĐQT	TV HĐQT (CT HĐQT) từ 29/01/2016; TV HĐQT từ 28/06/2016	8/8
3	Phạm Quang Hòa	CT HĐQT/TV HĐQT	Thôi là TV HĐQT và CT HĐQT kể từ ngày 29/01/2016. TV HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 từ ngày 28/06/2016	6/6
4	Thái Thị Hồng Yến	UV HĐQT-GĐTM		8/8
5	Nguyễn Mạnh Hùng	UV HĐQT-GĐNS		8/8
6	Lương Thị Anh Đào	UV HĐQT	Miễn nhiệm TV HĐQT từ 28/06/2016	3/3
7	Lê Văn Bách	UV HĐQT	Miễn nhiệm TV HĐQT từ 28/06/2016	3/3

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
<b>I. Các Nghị quyết</b>			
1	01/NQ-HĐQT-NET/2016	29/01/2016	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT CTCP Bột giặt NET.
2	02/NQ-HĐQT-NET/2016	16/03/2016	Kết quả kinh doanh quý 4 và cả năm 2015 và tổ chức ĐHCĐ
3	03/NQ-HĐQT-NET/2016	28/04/2016	Kết quả kinh doanh quý I/2016 và kế hoạch SXKD quý II/2016
4	04/NQ-HĐQT-NET/2016	28/04/2016	Về nhân sự điều hành Công ty
5	05/NQ-HĐQT-NET/2016	28/04/2016	Về việc tổ chức ĐHCĐ CTCP Bột giặt NET
6	06/NQ-HĐQT-NET/2016	28/04/2016	Phiên họp thứ nhất HĐQT CTCP Bột giặt NET nhiệm kỳ 2016-2021
7	07/NQ-HĐQT-NET/2016	01/07/2016	Nghị quyết về nhân sự điều hành của Công ty (chấp thuận đơn từ chối nhiệm vụ GĐĐH của ông Phạm Quốc Cường, giao bà Thái Thị Hồng Yến thực hiện chức trách nhiệm vụ GĐĐH).
8	08/NQ-HĐQT-NET/2016	06/07/2016	Bổ sung nhân sự cho BQL Dự án
9	09/NQ-HĐQT-NET/2016	08/08/2016	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Dự án nhà máy mới tại khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn và thông qua tài liệu “Hướng dẫn triển khai công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2021”
10	10/NQ-HĐQT-NET/2016	09/08/2016	Thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu năm 2016

11	11/NQ-HĐQT-NET/2016	09/08/2016	Thông qua bộ hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu trình UBCK Nhà nước.
12	12/NQ-HĐQT-NET/2016	18/08/2016	Thông nhất danh sách nguồn cán bộ quy hoạch giai đoạn 2016 – 2021 để gửi Đảng ủy Công ty xem xét; thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT của Công ty.
13	13/NQ-HĐQT-NET/2016	31/08/2016	Thông qua danh sách cán bộ được quy hoạch cho nguồn nhân sự lãnh đạo, quản lý của CTCP Bột giặt NET giai đoạn 2016-2021
14	14/NQ-HĐQT-NET/2016	29/09/2016	Phê duyệt phương án vay vốn SXKD quý 4 năm 2016 và năm 2017 của CTCP Bột giặt NET.
15	15/NQ-HĐQT-NET/2016	29/10/2016	Về việc triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành tại CTCP Bột giặt NET
16	16/NQ-HĐQT-NET/2016	07/11/2016	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2016.
17	17/NQ-HĐQT-NET/2016	14/11/2016	Nghị quyết về phiên họp HĐQT ngày 29/10/2016 liên quan đến việc thông qua kết quả SXKD Quý III/2016 và 9 tháng đầu năm 2016, dự kiến kế hoạch Quý IV/2016.
18	18/NQ-HĐQT-NET/2016	14/11/2016	Phê duyệt phương án vay vốn trung và dài hạn của CTCP Bột giặt NET.
19	19/NQ-HĐQT-NET/2016	14/11/2016	Nghị quyết về phiên họp HĐQT ngày 29/10/2016 liên quan đến việc phê duyệt điều chỉnh nội dung 3.2 của Tờ trình về Phương án vay vốn đã được trình ngày 20/09/2016.

II	Các Quyết định		
20	01 A/QĐ-HĐQT	05/01/2016	Kế hoạch quỹ tiền lương 2016
21	01/QĐ-HĐQT-NET/2016	28/04/2016	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Giám đốc điều hành
22	02/QĐ-HĐQT-NET/2016	31/05/2016	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Trưởng Ban QLDA nhà máy sản xuất của CTCP Bột giặt NET tại KCN Lộc An – Bình Sơn
23	03/QĐ-HĐQT-NET/2016	28/06/2016	Về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của GĐĐH
24	04/QĐ-HĐQT-NET/2016	01/07/2016	Về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của GĐĐH
25	05/QĐ-HĐQT-NET/2016	06/07/2016	Về việc bổ sung nhân sự cho Ban Quản lý dự án
26	06/QĐ-HĐQT-NET/2016	08/08/2016	Phê duyệt điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Dự án nhà máy mới tại khu công nghiệp Lộc An-Bình Sơn
27	07/QĐ-HĐQT-NET/2016	18/08/2016	Ban hành “Quy chế hoạt động của HĐQT”
28	08/QĐ-HĐQT-NET/2016	31/08/2016	Phê duyệt danh sách cán bộ được quy hoạch cho nguồn nhân sự lãnh đạo, quản lý của CTCP Bột giặt NET giai đoạn 2016-2021.

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:**

01 thành viên thuộc HĐQT, BGD Công ty đã hoàn thành khóa đào tạo Thạc sỹ QTKD của Đại học Quebec – Canada.

**Hoạt động của TV HĐQT độc lập:** không có

## 2. Ban Kiểm soát

### Thành viên của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Tr BKS	1.792	0,008%
2	Dương Huy Mạnh	TV BKS	0	0%
3	Nguyễn Thị Mai Phương	TV BKS	0	0%

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong 2016, Ban kiểm soát Công ty có tất cả 6 cuộc họp với sự tham gia góp ý kiến của 100% TV BKS, cụ thể:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Tr BKS	12/12	100%
2	Dương Huy Mạnh	TV BKS	12/12	100%
3	Nguyễn Thị Mai Phương	TV BKS	12/12	100%

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### Lương, thưởng, thù lao

STT	Họ và tên	Thù lao HĐQT, BKS (%)	Lương Ban Giám đốc (%)	Tổng
1	Phạm Quang Hoà	15,14%	84,86%	100,00%
2	Lê Văn Bách	100,00%		100,00%
3	Nguyễn Mạnh Hùng	17,56%	82,44%	100,00%
4	Thái Thị Hồng yến	8,89%	91,11%	100,00%
5	Phạm Thanh Tùng	100,00%		100,00%
6	Phan Văn Tiền	100,00%		100,00%
7	Nguyễn Thiện Nhân	100,00%		100,00%
8	Nguyễn Thị Hồng Châu	100,00%		100,00%
9	Lê Thị Tường Vân	100,00%		100,00%
10	Nguyễn Thị Mai Phương	100,00%		100,00%
11	Dương Huy Mạnh	100,00%		100,00%
12	Cao Trần Đăng Khoa		100,00%	100,00%
13	Phạm Quốc Cường		100,00%	100,00%

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ :**

STT	Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán/Cho/Tặng/Thừa kế, ...)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Frontaura Global Frontier Fund LLC	Không	9,44%	Bán	440.600	6,69%	08/04/2016
2	Frontaura Global Frontier Fund LLC	Không	1.070.444	Bán	286.500	783.944	11/04/2016
3	AMERICA A LLC		689.600	Mua	127.200	816.800	16/05/2016

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ :** Không có

**Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Các vấn đề liên quan đến quản trị như tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và các qui trình, công cụ kiểm tra hoạt động của các phòng ban, phân xưởng trong công ty cũng như việc sử dụng các nguồn lực để đạt được các mục tiêu đề ra của Hội đồng quản trị được Ban điều hành thực hiện ở mức năm sau có tiến bộ và cải tiến so với năm trước. Các qui chế về tài chính, mua hàng, bán hàng...đều đã được thiết lập và là cơ sở để các phòng ban, phân xưởng thực hiện. Tuy nhiên, việc kết nối giữa hoạt động thực tế với mục tiêu đầu đó còn rời rạc, một số hoạt động được đo lường bằng định tính, thiếu định lượng. Vì vậy, để có thể đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn 5 năm tới (2016-2021), cần có những thay đổi mạnh mẽ về quản trị doanh nghiệp, mô hình kinh doanh công ty và chính sách liên quan đến nguồn nhân lực để có sự liên kết rõ ràng giữa mục tiêu của từng bộ phận với mục tiêu chung của công ty.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đồng Nai, tháng 03 năm 2017

Signature invalid

Ký bởi: NGUYỄN MẠNH HƯNG  
Ký ngày: 7/3/2017 18:17:59

MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Phạm Văn Tiến	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/01/2016, miễn nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Phạm Quang Hòa	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/01/2016); Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2016)
Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2016)
Ông Lê Văn Bách	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2016)

**Ban Giám đốc**

Bà Thái Thị Hồng Yến	Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/02/2017) Thực hiện chức trách, nhiệm vụ Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/05/2016)
Ông Phạm Quang Hòa	Giám đốc điều hành (Nghỉ hưu từ ngày 01/05/2016)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc nhân sự
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc kỹ thuật
Ông Phạm Quốc Cường	Giám đốc sản xuất

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cũng nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Bà Thái Thị Hồng Yến  
Giám đốc điều hành

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2017

Số: 32 /2017/BCKT-AVI-TCI

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Bột giặt Net

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bột giặt Net (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/03/2017, từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt Net tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Số GCN ĐKHN nghề kiểm toán 0308-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2017

**Đoàn Thu Hằng****Kiểm toán viên**

Số GCN ĐKHN kiểm toán 1369-2015-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÀU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>205.564.317.683</b>	<b>225.283.822.832</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>67.430.898.879</b>	<b>27.804.830.224</b>
1. Tiền	111		13.930.898.879	19.861.830.224
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.500.000.000	7.943.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>97.600.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	97.600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.891.353.088</b>	<b>41.346.005.686</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	42.510.859.366	20.683.700.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.040.194.722	20.153.645.553
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	340.299.000	607.789.094
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(99.129.053)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>81.190.820.837</b>	<b>52.663.699.513</b>
1. Hàng tồn kho	141		81.190.820.837	52.663.699.513
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.051.244.879</b>	<b>5.869.287.409</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.051.244.879	5.869.287.409
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>336.579.046.233</b>	<b>146.583.794.821</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.100.724.358</b>	<b>57.708.324.293</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	50.100.724.358	57.708.324.293
- Nguyên giá	222		131.003.957.850	128.431.257.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.903.233.492)	(70.722.933.389)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>235.246.364.226</b>	<b>35.298.703.579</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	235.246.364.226	35.298.703.579
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	716.390.400	716.390.400
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10	(716.390.400)	(716.390.400)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51.231.957.649</b>	<b>53.576.766.949</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	51.231.957.649	53.576.766.949
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>542.143.363.916</b>	<b>371.867.617.653</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>261.522.807.916</b>	<b>89.405.332.525</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>261.522.807.916</b>	<b>89.405.332.525</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	104.186.217.467	45.634.013.391
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.367.633.302	6.643.050.719
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.650.004.415	5.388.795.792
4. Phải trả người lao động	314		9.406.749.093	9.318.627.890
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	11.411.014.174	5.195.606.719
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	8.329.224.285	8.406.765.993
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	113.786.977.432	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		384.987.748	8.818.472.021
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>280.620.556.000</b>	<b>282.462.285.128</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>280.620.556.000</b>	<b>282.462.285.128</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		223.983.740.000	159.988.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	159.988.920.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.248.753.642	32.533.043.270
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.388.062.358	89.940.321.858
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.033.115.486	6.663.995.929
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.354.946.872	83.276.325.929
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>542.143.363.916</b>	<b>371.867.617.653</b>

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2017

Người lập

Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Ái Liên



Phạm Thị Hồng Yến



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	839.312.807.280	784.274.854.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		839.312.807.280	784.274.854.684
4. Giá vốn hàng bán	11	21	609.992.319.779	589.490.644.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		229.320.487.501	194.784.210.210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.316.322.224	6.695.672.773
7. Chi phí tài chính	22	23	2.139.329.515	632.056.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		203.475.448	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	105.489.160.035	79.778.613.253
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	22.281.668.110	18.128.409.940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.726.652.065	102.940.803.214
11. Thu nhập khác	31		1.359.703.615	306.475.155
12. Chi phí khác	32		248.893.177	197.841.631
13. Lợi nhuận khác	40		1.110.810.438	108.633.524
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		103.837.462.503	103.049.436.738
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	20.784.954.631	16.273.110.809
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		83.052.507.872	86.776.325.929
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.659	3.620

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2017

Người lập



Trần Thị Ái Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ái Liên



Trần Hồng Yên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MÃ SỐ B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	103.837.462.503	103.049.436.738
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.489.027.400	10.557.183.761
- Các khoản dự phòng	03	-	47.385.780
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.678.501.967	33.113.517
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.940.806.248)	(5.901.958.816)
- Chi phí lãi vay	06	203.475.448	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>113.267.661.070</b>	<b>107.785.160.980</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.644.834.558)	2.479.809.221
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28.527.121.324)	5.898.847.473
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	67.556.855.723	4.313.239.508
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.344.809.300	(9.932.778.206)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(203.475.448)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.803.543.906)	(14.641.299.033)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.733.484.273)	(3.147.881.041)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>118.256.866.584</b>	<b>92.755.098.902</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(210.369.140.515)	(54.918.274.687)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	169.509.091	76.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(190.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	117.600.000.000	150.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.320.439.560	5.993.198.527
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(109.279.191.864)</b>	<b>(88.849.076.160)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	112.236.466.801	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(81.593.230.950)	(31.997.388.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>30.643.235.851</b>	<b>(31.997.388.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>39.620.910.571</b>	<b>(28.091.366.058)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>27.804.830.224</b>	<b>55.896.476.282</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.158.084	(280.000)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>67.430.898.879</b>	<b>27.804.830.224</b>

Người lập



Trần Thị Ai Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Ai Liên

Đã kiểm tra, ngày 31/12/2016 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BỘT GIẶT NET

Thái Văn Hồng Yên

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bột giặt Net ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000053 ngày 01/07/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu và Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 3600642822 ngày 06/10/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 223.983.740.000 đồng, tương ứng với 22.398.374 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NET.

Trụ sở chính của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất chất tẩy rửa, mỹ phẩm;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất nước uống đóng chai (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng; kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (hoạt động ngoài tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc Công ty**

Tại thời điểm 31/12/2016, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng chính tại Đồng Nai và hai Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Chi nhánh Hà Nội	Km số 1, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
2	Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 617 - 629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty đã được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh "Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi".

#### **Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí quảng cáo; chi phí sử dụng hạ tầng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm các tài sản không đủ ghi nhận là tài sản cố định hữu hình đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 36 tháng.
- Chi phí quảng cáo bao gồm: chi phí quảng cáo trên xe buýt, chi phí phát quảng cáo trên truyền hình. Chi phí quảng cáo được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 12 tháng.
- Chi phí đầu tư sản xuất 100.000 tấn OMO, được phân bổ theo sản lượng sản xuất trong kỳ.
- Phí sử dụng hạ tầng đợt 1, 2 cho khu đất tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn phục vụ cho dự án di dời nhà máy tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ khi nhà máy đi vào hoạt động.

#### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### **Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo;

**Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng; chi phí bao bì, đóng gói; chi phí vận chuyển; chi phí hỗ trợ nhà phân phối; chi phí quảng cáo, hoa hồng, môi giới....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi hoàn nhập các khoản dự phòng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### **Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuế tài chính.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.*

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	871.560.880	545.808.832
Tiền gửi ngân hàng	13.059.337.999	19.316.021.392
Các khoản tương đương tiền (*)	53.500.000.000	7.943.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>67.430.898.879</u></b>	<b><u>27.804.830.224</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,6%/năm.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>42.510.859.366</b>	<b>20.683.700.092</b>
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	7.796.626.533	8.329.176.594
NEU-TECH Ltd	2.219.073.500	499.746.429
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố	8.072.098.678	7.503.525.961
Các khách hàng khác	24.423.060.655	4.351.251.108
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>340.299.000</b>	-	<b>607.789.094</b>	-
- Dự thu lãi tiền gửi	122.204.167	-	555.488.889	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	10.000.000	-
- Tạm ứng	80.010.000	-	29.460.000	-
- Phải thu khác	138.084.833	-	12.840.205	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.780.403.462	-	32.017.443.986	-
Công cụ, dụng cụ	371.211.288	-	136.661.599	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.820.630.688	-	679.990.169	-
Thành phẩm	17.218.575.399	-	19.829.603.759	-
<b>Cộng</b>	<b>81.190.820.837</b>	<b>-</b>	<b>52.663.699.513</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31/12/2016, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do giá trị ghi sổ của hàng tồn kho không vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí xây dựng nhà máy mới Long Thành (*)	235.246.364.226	34.323.819.900
Dự án đầu tư bồn trộn sồng Bột giặt	-	974.883.679
<b>Cộng</b>	<b>235.246.364.226</b>	<b>35.298.703.579</b>

(\*) Dự án đầu tư nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Lộc An-Bình Sơn theo Quyết định phê duyệt dự án số 12A/2014/QĐ-HDQT ngày 22/11/2014 của Hội đồng quản trị. Theo giấy phép đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27/10/2016, tổng vốn đầu tư của dự án là 375.537.051.487 đồng, thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày 29/3/2013. Nhà máy được xây dựng bắt đầu từ năm 2015 và dự kiến quý II/2017 sẽ đi vào hoạt động sản xuất.

**10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ số tiền là 716.390.400 đồng. Công ty nắm giữ số lượng 6.600 cổ phần, mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phần, chiếm 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Hiện tại Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và hiện đơn vị này đã làm thủ tục giải thể doanh nghiệp; Ban điều hành Công ty Cổ phần Bột giặt Net đã quyết định trích lập dự phòng theo mức 100% cho toàn bộ khoản đầu tư nói trên với số tiền 716.390.400 đồng (tại thời điểm 31/12/2015 là 716.390.400 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẤY NET**

**MẪU SỐ B09 - DN**

**THUYẾT MINH BẢNG CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÀ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>40.541.391.380</b>	<b>78.438.818.881</b>	<b>8.673.991.427</b>	<b>777.055.994</b>	<b>128.431.257.682</b>
Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.307.206.055	-	-	2.307.206.055
Mua sắm trong năm	-	-	690.079.091	-	690.079.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(424.584.978)	-	(424.584.978)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>40.541.391.380</b>	<b>80.746.024.936</b>	<b>8.939.485.540</b>	<b>777.055.994</b>	<b>131.003.957.850</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>21.259.959.800</b>	<b>44.770.171.598</b>	<b>4.163.145.262</b>	<b>529.656.729</b>	<b>70.722.933.389</b>
Khấu hao trong năm	1.984.242.997	7.573.126.178	867.172.721	64.485.504	10.489.027.400
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(308.727.297)	-	(308.727.297)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>23.244.202.797</b>	<b>52.343.297.776</b>	<b>4.721.590.686</b>	<b>594.142.233</b>	<b>80.903.233.492</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>19.281.431.580</b>	<b>33.668.647.283</b>	<b>4.510.846.165</b>	<b>247.399.265</b>	<b>57.708.324.293</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>17.297.188.583</b>	<b>28.402.727.160</b>	<b>4.217.894.854</b>	<b>182.913.761</b>	<b>50.100.724.358</b>
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	<i>2.609.175.564</i>	<i>12.480.419.706</i>	<i>645.513.571</i>	<i>245.329.227</i>	<i>15.980.438.068</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÀU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>51.231.957.649</b>	<b>53.576.766.949</b>
Chi phí sử dụng hạ tầng (*)	48.326.700.000	47.942.700.000
Chi phí dự án gia công 100.000 tấn bột giặt OMO	2.128.456.584	3.905.919.517
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	70.053.377	151.319.720
Chi phí trả trước dài hạn khác	706.747.688	1.576.827.712

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ/HĐCĐ-2013 ngày 25/04/2013 đã thông qua chủ trương di dời nhà máy tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đến Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, theo đó Công ty sẽ thuê lại Khu đất rộng 60.000 m<sup>2</sup> trong thời gian 47 năm. Tổng số tiền đã thanh toán là 48.326.700.000 đồng và sẽ được phân bổ khi nhà máy chính thức đi vào hoạt động.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.411.014.174</b>	<b>5.195.606.719</b>
Chi phí hoa hồng, khuyến mại, hỗ trợ nhà phân phối	7.472.909.243	4.021.954.589
Chi phí hỗ trợ người lao động	1.143.020.000	-
Chi phí vận chuyển	1.911.865.875	740.283.040
Tiền ăn giữa ca	212.900.000	186.830.000
Chi phí khác	670.319.056	246.539.090
<b>Dài hạn</b>	-	-

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.329.224.285</b>	<b>8.406.765.993</b>
- Kinh phí công đoàn	435.898.309	289.520.634
- Bảo hiểm xã hội	488.467.094	148.262.584
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.151.430	2.145.380
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.401.707.452	7.966.837.395
<b>Dài hạn</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các đơn vị tiền tệ là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÀU SỐ B09 - DN**

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Chi nhánh Công ty Cổ Phần TICO	104.186.217.467	104.186.217.467	45.634.013.391	45.634.013.391
Công ty TNHH Nhựa cơ khí và thương mại Chấn Thuận Thành	8.252.555.708	8.252.555.708	5.858.424.858	5.858.424.858
Công ty TNHH UJC Việt Nam	7.435.870.421	7.435.870.421	3.100.911.120	3.100.911.120
Phải trả cho các đối tượng khác	22.326.091.955	22.326.091.955	13.869.838.483	13.869.838.483
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	66.171.699.383	66.171.699.383	22.804.838.930	22.804.838.930
<b>Cộng</b>	<b>104.186.217.467</b>	<b>104.186.217.467</b>	<b>45.634.013.391</b>	<b>45.634.013.391</b>
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả với các bên liên quan</b>				
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	3.142.689.880	3.142.689.880	1.950.000.800	1.950.000.800

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016		Số phải nộp trong năm VND		Số đã nộp trong năm VND		31/12/2016 VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	141.102.334	2.369.598.884	2.261.702.075	248.999.143			
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.249.046.837	4.249.046.837	-			
Thuế nhập khẩu	349.689.798	782.637.158	1.119.068.166	13.258.790			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.795.492.664	20.784.954.631	21.803.543.906	3.776.903.389			
Thuế thu nhập cá nhân	97.787.429	2.360.893.979	1.847.838.315	610.843.093			
Các loại thuế khác	4.723.567	342.155.727	346.879.294	-			
<b>Cộng</b>	<b>5.388.795.792</b>	<b>30.889.287.216</b>	<b>31.628.078.593</b>	<b>4.650.004.415</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN BƠT GIẬT NET**

MÃU SỐ B09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	113.786.977.432	113.786.977.432	113.786.977.432	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>113.786.977.432</b>	<b>113.786.977.432</b>	<b>113.786.977.432</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 208.16/48.05-HMTTD ngày 19/10/2016. Hạn mức vay là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng tiền cho vay của mỗi khoản nợ là VND hoặc USD. Mục đích sử dụng vốn vay: tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày rút vốn và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định tại từng thời điểm giải ngân. Hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2016 là 4.992.846,75 USD.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Quỹ đầu tư phát triển VND		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Cộng VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>								
Lãi trong năm	-	-	-	-	86.776.325.929	-	86.776.325.929	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	16.203.678.227	-	(52.424.462.227)	-	(36.220.784.000)	-
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>3.253.043.270</b>	<b>3.253.043.270</b>	<b>89.940.321.858</b>	<b>89.940.321.858</b>	<b>282.462.285.128</b>	<b>282.462.285.128</b>
Tăng vốn trong năm	63.994.820.000	63.994.820.000	(63.994.820.000)	(63.994.820.000)	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	83.052.507.872	-	83.052.507.872	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	34.710.530.372	34.710.530.372	(119.604.767.372)	-	(84.894.237.000)	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>223.983.740.000</b>	<b>223.983.740.000</b>	<b>3.248.753.642</b>	<b>3.248.753.642</b>	<b>53.388.062.358</b>	<b>53.388.062.358</b>	<b>280.620.556.000</b>	<b>280.620.556.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-HĐQT-NET/2016 ngày 28/06/2016 đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty như sau: Chia cổ tức 47.996.676.000 đồng tương ứng với 30% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5,2 tỷ đồng (đã phân phối trong năm 2015 là 3,5 tỷ đồng), trích quỹ thưởng ban điều hành 500 triệu đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 34.710.530.372 đồng. Đại hội đồng Cổ đông đồng ý phát hành thêm 6.399.557 cổ phiếu tương ứng với 63.995.570.000 đồng (40% vốn điều lệ), nguồn vốn tăng từ Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 1,1 tỷ đồng và tạm chia cổ tức với số tiền là 33.597.561.000 đồng tương ứng 15% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã chi trả hết toàn bộ số cổ tức đã chia trong năm.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	114.234.980.000	51%	81.596.420.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	109.748.760.000	49%	78.392.500.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>223.983.740.000</b>	<b>100%</b>	<b>159.988.920.000</b>	<b>100%</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	159.988.920.000	159.988.920.000
- Vốn góp tăng trong năm (*)	63.994.820.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	223.983.740.000	159.988.920.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	81.593.230.950	31.997.388.800

(\*) Ngày 28/06/2016, Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm 6.399.557 cổ phần tương ứng với mệnh giá là 63.995.570.000 đồng (40% vốn điều lệ), nguồn vốn tăng từ Quỹ đầu tư phát triển của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 20/09/2016 với số cổ phần thực tế đã phân phối là 6.399.482 cổ phần.

Ngày 06/10/2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12, theo đó Vốn điều lệ của Công ty là 223.983.740.000 đồng tương ứng với 22.398.374 cổ phần.

**Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.398.374	15.998.892
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.398.374	15.998.892
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	15.998.892
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.398.374	15.998.892
- Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	15.998.892
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	260.368,74	224.681,42
Nợ khó đòi đã xử lý	628.958.072	529.829.019

**Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ**

	<b>Đơn vị tính</b>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
DV 28	G	16.126,23	35.860,75
4.4.đsbp	G	1.059.651,88	275.422,90
Acusol	Kg	6.142,29	2.851,28
Antifoam 1430	G	441.398,57	331.408,83
LAS	Kg	42.348,72	68.877,74
Methy Lester White Zeolite	Kg	26.497,01	39.230,99
Soda Ash carbomil	Kg	67.340,46	110.921,81
Sodium Silicate PCL)	Kg	47.864,22	82.636,67
Sodium Sulphate	Kg	114.595,63	94.427,24
Các loại khác	Kg	117.742,07	230.530,47

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu sản xuất tiêu thụ trong nước	572.360.608.910	529.067.907.278
Doanh thu sản xuất xuất khẩu	203.356.858.266	191.482.393.613
Doanh thu gia công	32.674.739.737	33.946.143.868
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.920.600.367	29.778.409.925
<b>Cộng</b>	<b><u>839.312.807.280</u></b>	<b><u>784.274.854.684</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hóa, gia công	582.154.189.551	568.838.510.613
Giá vốn dịch vụ	27.838.130.228	20.652.133.861
<b>Cộng</b>	<b><u>609.992.319.779</u></b>	<b><u>589.490.644.474</u></b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.887.154.838	5.910.580.194
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	429.167.386	785.092.579
<b>Cộng</b>	<b><u>3.316.322.224</u></b>	<b><u>6.695.672.773</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	203.475.448	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.678.501.967	33.113.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	257.352.100	598.943.059
<b>Cộng</b>	<b>2.139.329.515</b>	<b>632.056.576</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>22.281.668.110</b>	<b>18.128.409.940</b>
- Chi phí nhân viên	9.700.552.653	8.541.816.601
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	922.450.759	1.476.912.894
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	606.766.668	567.185.550
- Thuế, phí lệ phí	522.292.979	322.468.337
- Chi phí bằng tiền khác	10.529.605.051	7.220.026.558
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>105.489.160.035</b>	<b>79.778.613.253</b>
- Chi phí nhân viên	17.970.147.527	16.526.465.946
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.658.640.055	2.837.440.150
- Chi phí khấu hao	1.087.691.091	1.168.182.963
- Chi phí vận chuyển	9.112.590.363	6.124.440.179
- Chi phí khuyến mại bằng tiền	11.707.747.048	15.645.400.196
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý, siêu thị	54.962.063.902	22.011.441.656
- Chi phí bằng tiền khác	8.990.280.049	15.465.242.163

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	546.123.258.711	537.632.810.267
Chi phí nhân công	53.789.074.111	45.701.725.281
Chi phí khấu hao tài sản	10.489.027.400	10.557.183.761
Chi phí khác bằng tiền	124.675.997.555	95.039.360.309
<b>Cộng</b>	<b>735.077.357.777</b>	<b>688.931.079.618</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	103.837.462.503	103.049.436.738
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	87.310.650	112.771.448
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	87.310.650	112.771.448
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>103.924.773.153</b>	<b>103.162.208.186</b>
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất ưu đãi (15%)	-	91.751.071.318
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông (22%)	-	11.411.136.868
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông (20%)	103.924.773.153	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>20.784.954.631</b>	<b>16.273.110.809</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.052.507.872	86.776.325.929
Trừ: số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.100.000.000)	(5.700.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	81.952.507.872	81.076.325.929
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	22.398.374	22.398.374
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>3.659</b>	<b>3.620</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 số tiền 5,2 tỷ đồng và trích thưởng ban điều hành 500 triệu đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016. Trong năm 2016 Công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển. Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm của kỳ so sánh được điều chỉnh lại để phản ánh số cổ phiếu thưởng này (Thuyết minh số 18). Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của các yếu tố này.

**28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan của Công ty như sau

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông chiếm 51% vốn điều lệ
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty	Đơn vị trong cùng tập đoàn
Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỌT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Giao dịch với các bên liên quan như sau

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Nhà máy hóa chất Biên Hòa - Công ty Cổ phần Hòa chất cơ bản Miền Nam	24.961.383.800	21.437.575.600
<b>Cổ tức đã chia và đã chi trả</b>		
Tập đoàn Hòa chất Việt Nam	41.614.173.000	16.319.284.000
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>2.000.986.000</b>	<b>2.477.841.000</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi số 31/12/2016	Giá trị ghi số 01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.430.898.879	27.804.830.224
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.771.148.366	21.162.900.133
<b>Cộng</b>	<b>110.202.047.245</b>	<b>48.967.730.357</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	113.786.977.432	-
Phải trả người bán và phải trả khác	111.591.076.349	53.602.996.166
Chi phí phải trả	11.411.014.174	5.195.606.719
<b>Cộng</b>	<b>236.789.067.955</b>	<b>58.798.602.885</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thị trường***Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì các giao dịch mua hàng, bán hàng lớn đều bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>27.758.916.542</b>	<b>2.400.844.309</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.915.577.772	1.901.097.880
Phải thu của khách hàng	21.843.338.770	499.746.429
<b>Nợ tài chính</b>	<b>132.503.561.202</b>	<b>408.965.760</b>
Phải trả người bán	18.716.583.770	408.965.760
Vay và nợ thuê tài chính	113.786.977.432	-
<b>Nợ/tài sản tài chính thuần</b>	<b>(104.744.644.660)</b>	<b>1.991.878.549</b>
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ</b>	<b>(104.744.644.660)</b>	<b>1.991.878.549</b>

*Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

**Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

*Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

*Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính quá hạn</b>	<b>-</b>	<b>99.129.053</b>
Quá hạn từ 03 năm trở lên	-	99.129.053
<b>Tài sản tài chính giảm giá</b>	<b>716.390.400</b>	<b>716.390.400</b>
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ	716.390.400	716.390.400
<b>Cộng</b>	<b>716.390.400</b>	<b>815.519.453</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) hoặc giảm giá nếu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Các khoản vay	113.786.977.432	-	113.786.977.432
Phải trả người bán và phải trả khác	111.591.076.349	-	111.591.076.349
Chi phí phải trả	11.411.014.174	-	11.411.014.174
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	53.602.996.166	-	53.602.996.166
Chi phí phải trả	5.195.606.719	-	5.195.606.719

#### Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuế tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

### 30. THÔNG TIN KHÁC

Như đã thuyết minh tại mục số 9 của báo cáo tài chính này, Dự án đầu tư nhà máy sản xuất của Công ty tại Khu công nghiệp Lộc An-Bình Sơn dự kiến sẽ đi vào hoạt động sản xuất từ quý II/2017. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang xây dựng các phương án di dời, tiếp tục sử dụng đối với các tài sản tại nhà máy hiện tại của Công ty tại Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chưa có bất kỳ sự phân loại nào về giá trị ghi sổ cũng như dự phòng tổn thất tài chính (nếu có) do ảnh hưởng của việc di dời nhà máy hiện tại của Công ty được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2016.

### 31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính kèm theo*

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

*Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2017*

Người lập

Trần Thị Ai Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Ai Liên



Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật



Thái Thị Hồng Yến